

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 1/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn), Sông Thương tại Hữu Lũng, Cổng Thái Đào, Kênh G52 (cuối kênh), Kênh Y22, Trạm bơm Bảo Sơn.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng điều tiết Kè Sơn, Cổng Quang Hiến, Cổng điều tiết Đào Mỹ, Kênh Tây tại TL 295, Cổng Tổ Rồng (đầu kênh Giữa), Cổng Kè Hoàn, Cầu Quật.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên. Cổng Hà Vang, Kênh Hà Phú.**

Các vị trí đạt giới hạn B2 (không đạt B1): Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào.

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cống Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 42%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 10%. Dòng chảy trung bình.	Nước trong xanh.	7.05	4.5	7.2	0.1	0.124	0.711	148	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 40%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 10%. Dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh.	7.35	5.3	7.46	0.1	0.101	0.974	207	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
3	3	Cống điều tiết Kè Sơn	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 42%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 83%. Dòng chảy trung bình, cống	Nước màu xanh.	7.58	8.2	7.3	0.2	0.093	2.041	273	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			mở.									kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiển	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 40%, gió Đông 6 km/h, mật độ mây 8%. Dòng chảy trung bình, cổng mở 2 cửa, cổng 5 cửa đóng.	Nước màu xanh lục.	7.55	10.6	7.59	0.2	0.085	2.385	286	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu công điều tiết Hòa Mỹ)	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 45%, gió ĐN 3 km/h, mật độ mây 20%. Dòng chảy trung bình, cổng mở thoáng.	Nước màu xanh lục.	7.6	11.7	7.38	0.2	0.078	3.263	282	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Kênh Tây tại TL 295	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 45%, gió ĐN 3 km/h, mật độ mây 30%.	Nước màu xanh	7.54	9.5	7.1	0.2	0.078	4.208	282	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
			Dòng chảy chậm, mực nước cao. Nhiều rác thải trên kênh.	lục.									Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cống Tổ Rồng (đầu kênh Giữa)	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 40%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 12%. Dòng chảy nhanh, cống mở thoáng.	Nước màu xanh lục.	7.52	12.5	7.42	0.2	0.085	2.250	281	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
8	8	Cống Kè Hoàn	Trời lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 47%, gió ĐN 5 km/h, mật độ mây 30%. Dòng chảy trung bình, cống mở.	Nước màu xanh lục.	7.5	10.8	7.5	0.2	0.070	4.725	278	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
9	9	Cống Hà Vàng	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 45%, gió ĐN 5 km/h, mật	Nước màu	7.66	9.1	7.56	0.2	0.062	5.400	275	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
			độ mây 30%. Dòng chảy trung bình, công mở 2 cửa. Nhiều lá cỏ nước trôi trên kênh.	xanh lục.									tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cống Thái Đào	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 45%, gió BĐB 8 km/h, mật độ mây 17%. Dòng chảy trung bình, công mở 1 cửa.	Nước màu xanh lục.	7.35	9.4	7.3	0.2	0.140	1.256	288	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
11	11	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 45%, gió BĐB 8 km/h, mật độ mây 17%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Nhiều rác thải trôi trên kênh.	Nước màu xanh lục.	7.7	9.8	7.1	0.2	0.132	1.260	270	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
12	12	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 40%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 15%. Dòng chảy trung bình. Trên bờ có điểm tập kết rác xã Tân Hưng.	Nước màu xanh lục.	7.5	10.4	7.53	0.2	0.101	2.003	277	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Kênh Hà Phú	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 40%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 15%. Dòng chảy chậm. Nhiều rác trôi trên kênh.	Nước màu xanh lục.	7.4	10.2	7.25	0.2	0.389	1.845	265	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 44%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 19%. Dòng chảy trung bình.	Nước màu xanh lục.	7.28	11.1	7.15	0.2	0.124	1.638	283	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												sinh.
15	15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời nắng, t° = 20°C, độ ẩm 40%, gió ĐDB 8 km/h, mật độ mây 12%. Không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.25	6.8	6.24	0.2	0.078	1.820	300	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.